TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2024/DS -ST
Ngày: 15-7-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám; 2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 282/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 23, đường 361, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng 005333, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2024 của Văn phòng Công chứng Dương Thái Hoàng).

**** Bị đơn:*** 1/ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970;

2/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1974; (Ông Đc, bà H có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng);

Cùng địa chỉ: Số 62C, đường 25, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bà Tô Thị Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 23, đường 361, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, vào ngày 10/6/2023, nguyên đơn là ông C có cho vợ chồng ông Đ, bà H vay số tiền 215.000.000đ. Vợ chồng ông Đ có viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 10/01/2024 trả hết cho ông C. Đến ngày 10/7/2023, vợ chồng ông Đ than vãn là đang gặp khó khăn nên vay thêm của ông C số tiền 17.000.000đ. Tổng số tiền vợ chồng ông Đ, bà H nợ ông C và đã ký nhận nợ là 232.000.000đ.

Phía ông C nhiều lần liên hệ vợ chồng ông Đ để đòi lại tiền nhưng phía ông Đ cố tình không trả. Vợ chồng ông Đ mượn tiền không có thế chấp tài sản gì. Ông C khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Đ, bà H có trách nhiệm trả cho ông C số tiền gốc là 232.000.000đ và yêu cầu trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 10/7/2023 cho đến nay.

Quá trình tụng, ông Chương cũng đồng ý cho bị đơn trả 01 lần số tiền 132.000.000đ, còn lại trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, tuy nhiên phía ông Đắc, bà Hương không đồng ý.

Tại phiên toà, phía nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Toà án buộc ông Đ, bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 232.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy uỷ quyền; Căn cước công dân (photo) của nguyên đơn; Giấy nợ ngày 10/7/2023, Đơn xin xác nhận cư trú của bị đơn.

Bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị H theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông C và vợ chồng ông bà có mối quan hệ quen biết, thân thiết từ lâu. Ông bà thừa nhận có ký giấy mượn nợ ngày 16/7/2023 như ông C trình bày và thừa nhận số nợ mà nguyên đơn yêu cầu là đúng. Việc ông bà vay tiền từ ông C không có cầm cố hay thế chấp bất kỳ tài sản nào. Ông bà có lấy tiền từ ông C thì ông bà thừa nhận không chối cãi nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay ông bà vẫn chưa trả được tiền cho ông C. Nay ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền 232.000.000đ thì ông bà cũng đồng ý trả số tiền này nhưng yêu cầu trả dần. Ông bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông C do hiện tại hoàn cảnh quá khó khăn.

Nay trước yêu cầu của ông C, ông bà xin được trả mỗi tháng là 500.000đ, nếu tháng nào có điều kiện, ông bà sẽ trả nhiều hơn cho đến khi hết nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà ông Đ, bà H cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Căn cước công dân (photo) của ông Đ, Đơn yêu cầu vắng mặt của ông Đ, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Ngọc T theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà và ông C sống với nhau như vợ như chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, Vào ngày 10/6/2023, bà có biết ông C có cho vợ chồng ông Đ, bà H vay số tiền 215.000.000đ và có viết giấy vay tiền, hẹn ngày 10/01/2024 thì trả. Đến ngày 10/7/2023, vợ chồng ông Đ than vãn gặp khó khăn và có vay thêm của ông C 17.000.000đ. Số tiền ông C cho vợ chồng ông Đ vay bà không có liên quan gì và cũng không có ý kiến gì. Bà xin vắng mặt trong toàn bộ

quá trình tố tụng của Toà án. Các tài liệu chứng cứ mà bà T cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Căn cước công dân (photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị H có nơi cư trú tại xã T, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 228 của Bộ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng C khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H trả số tiền gốc số tiền gốc là 232.000.000đ và yêu cầu trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 10/7/2023 cho đến nay.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và lời thừa nhận, trình bày của các bên đương sự trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định: Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, vào ngày 10/6/2023, vợ chồng ông Đ có viết giấy tay vay ông C số tiền 215.000.000đ và hẹn đến ngày 10/01/2024 sẽ trả hết cho ông C; đến ngày 10/7/2023, vợ chồng ông Đ vay thêm của ông C số tiền 17.000.000đ; tổng số tiền vợ chồng ông Đ, bà H ký nhận vay ông C là 232.000.000đ và không có thế chấp bất kỳ tài sản giấy tờ gì; như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Quá trình tố tụng, bị đơn thừa nhận có ký giấy vay tiền và có nợ nguyên đơn số tiền gốc 232.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Bị đơn cũng đồng ý trả số tiền 232.000.000đ này cho nguyên đơn nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. Còn phía nguyên đơn thì cho rằng bị đơn không có thiện chí trả nợ, mượn nợ trong thời gian dài, không có thế chấp tài sản gì nhưng cố tình kéo dài không muốn trả nên không đồng ý theo yêu cầu trả dần của bị đơn.

[2.2] Xét thấy tại phiên Toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh; xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 10/7/2023 cho đến nay.

[2.3] Xét thấy, bà Tô Thị Ngọc T xác định số tiền 232.000.000đ mà nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền riêng của nguyên đơn, hoàn toàn không liên quan gì đến bà; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Xét thấy, bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 232.000.000đ từ tháng 6/2023 đến nay, việc bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền trên mỗi tháng 500.000đ cho đến khi trả hết nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Đ, bà H có trách nhiệm trả cho ông C số tiền nợ gốc là 232.000.000đ.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Văn Đắc và bà Lê Thị Hương phải trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 10/7/2023 cho đến nay.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị H trả số tiền 232.000.000đ (hai trăm ba mươi hai triệu đồng).

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hồng C số tiền 232.000.000đ (hai trăm ba mươi hai triệu đồng), thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đ, bà H có trách nhiệm trả lãi cho ông C với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) buộc ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị H phải nộp.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hồng C số tiền 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019741 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan